SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES
28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 024.3523394 - Fax: 0254.3852413
Website:quantracmoitruongvungtau.com.vn
Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com

VILAS 149

B24.368/TTQT
0652

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày (Date): 04/09/2024
Trang (Page): **01/02**

1. Tên mẫu / *Sample Name* : **Nước thải sinh hoạt sau xử lý của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X: 1155451; Y: 441116.**
Domestic wastewater after treatment of Nam Con Son Pipeline Company. Sampling location has coordinates X: 1155451; Y: 441116.

2. Ngày nhận mẫu / *Date of receive sample* : *21/08/2024.*

3. Khách hàng / *Customer* : **Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn.**
Nam Con Son Pipeline Company.

4. Kết quả thử nghiệm / *Test result* :

Tên chỉ tiêu *Name of analysis norm*		Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
1. Amoni ($N\text{-}NH_4^+$)* *Nitrogen – Aminonium*	mg/l	TCVN 6179-1 : 1996	0,112
2. BOD_5 (ở 20°C)* *Biological oxygen demand*	mg/l	TCVN 6001-1:2021	KPH (<3,0)
3. Sunfua (S^{2-}, tính theo H_2S) *Sunfur*	mg/l	SMEWW 4500 S^{2-}.B&D:2023	KPH (<0,12)
4. Phosphat ($P\text{-}PO_4^{3-}$)* *Phosphate*	mg/l	TCVN 6202 : 2008	5,99
5. Nitrat ($N\text{-}NO_3^-$)** *Nitrogen – Nitrate*	mg/l	SMEWW 4500-NO_3^-.E: 2017	20,3
6. Dầu mỡ động thực vật *Vegetable oils and fats*	mg/l	SMEWW 5520B&F: 2023	KPH (<3,0)
7. T – Coliform *Total Coliform*	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	(-) (<2,0)

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES
28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 024.3523394 - Fax: 0254.3852413
Website:quantracmoitruongvungtau.com.vn
Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com

VILAS 149

B24.368/TTQT 0652

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày (Date): 04/09/2024
Trang (Page): **02/02**

Tên chỉ tiêu *Name of analysis norm*		Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
8. Tổng chất rắn hòa tan (TDS) *Total dissolved solids*	mg/l	SOP – PQT - 44	174,7
9. Chất rắn lơ lửng (TSS)* *Total suspended solids*	mg/l	TCVN 6625 : 2000	8,2
10. pH		TCVN 6492 : 2011	6,8
11. Chất hoạt động bề mặt** *Surfactank*	mg/l	SMEWW 5540B & C:2017	0,14

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 09h25/ *Note: Sample taken by The center for environmental monitoring and resources at 09h25.*

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149/ *Norm is recognized by the BOA. Number VILAS 149.*

(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ *Target for subcontractors.*

Mẫu được lấy theo Hợp đồng C-1322/TTQTTNMT-DVTV ngày 26/01/2024/ *Samples were taken under Contract C-1322/TTQTTNMT-DVTV dated 26/01/2024.*

KPH: Không phát hiện/ *Not detected.* (-): Âm tính/ *Negative.*

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH
VICE OF HEAD ANALYSIS DIVISION

Võ Thị Kim Chi

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BR-VT

Lê Tuấn Kiệt

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES
28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 024.3523394 - Fax: 0254.3852413
Website:quantracmoitruongvungtau.com.vn
Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com

VILAS 149

B24.368/TTQT 0651

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày (Date): 04/09/2024
Trang (Page): **01/02**

1. Tên mẫu / *Sample Name* : **Nước thải sinh hoạt sau xử lý của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X: 1155451; Y: 441116.**
Domestic wastewater after treatment of Nam Con Son Pipeline Company. Sampling location has coordinates X: 1155451; Y: 441116.

2. Ngày nhận mẫu / *Date of receive sample* : *21/08/2024.*

3. Khách hàng / *Customer* : **Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn.**
Nam Con Son Pipeline Company.

4. Kết quả thử nghiệm / *Test result* :

Tên chỉ tiêu *Name of analysis norm*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
1. COD* mg/l *Chemical oxygen demand*	SMEWW 5220.D:2023	KPH (<30)

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 09h25/ *Note: Sample taken by The center for environmental monitoring and resources at 09h25.*

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149/ *Norm is recognized by the BOA. Number VILAS 149.*

Mẫu được lấy theo Hợp đồng C-1322/TTQTTNMT-DVTV ngày 26/01/2024/ *Samples were taken under Contract C-1322/TTQTTNMT-DVTV dated 26/01/2024.*

KPH: Không phát hiện/ *Not detected.*

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH
VICE OF HEAD ANALYSIS DIVISION

Võ Thị Kim Chi

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BR-VT

Lê Tuấn Kiệt

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm phân tích mẫu./ *Test result(s) only are valid at the time the samplesare analyzed.*